

KẾT QUẢ
KÌ THI HỌC SINH GIỎI LỚP 9
Năm học: 2020 - 2021
Khóa ngày 31 tháng 10 năm 2020

Stt	Môn	Ph	SBD	Họ và lót	Tên	Ngày sinh			Nơi sinh	Lớp	Trường	Điểm	Ghi chú
1	Ngữ văn	1	V0019	Lê Thảo	Nguyên	18	10	2006	Tp. HCM	9/3	Hoa Lư	14.50	ĐDT
2	Ngữ văn	1	V0012	Nguyễn Hồ Khánh	Huyền	28	5	2006	Tp. HCM	9A8	Trần Quốc Toàn	14.00	ĐDT
3	Ngữ văn	1	V0015	Nguyễn Trần Bảo	Ngọc	24	10	2006	Tp. HCM	9/3	Hoa Lư	13.50	ĐDT
4	Ngữ văn	1	V0010	Cái Thị Huỳnh	Hiên	29	1	2006	Bến Tre	9A3	Long Trường	12.50	ĐDT
5	Ngữ văn	2	V0025	Võ Nguyệt	Như	14	3	2006	Tp. HCM	9A3	Hoa Lư	12.50	ĐDT
6	Ngữ văn	2	V0042	Lê Nguyễn Tường	Vy	2	1	2006	Tp. HCM	9A1	Trần Quốc Toàn	12.50	ĐDT
7	Ngữ văn	1	V0006	Nguyễn Thùy	Dương	11	2	2006	Tp. HCM	9A12	Trần Quốc Toàn	12.00	ĐDT
8	Ngữ văn	1	V0008	Ngô Mạnh Triều	Giang	21	11	2006	Tp. HCM	9A8	Trần Quốc Toàn	12.00	ĐDT
9	Ngữ văn	1	V0014	Trần Diệu	Linh	4	6	2006	Tp. HCM	9T1	Hoa Lư	12.00	ĐDT
10	Ngữ văn	1	V0022	Lương Uyên	Nhi	28	4	2006	Hà Nội		Phước Bình	12.00	ĐDT
11	Ngữ văn	2	V0032	Nguyễn Phan Quốc	Thông	24	1	2006	Tp. HCM	9/1	Hoa Lư	12.00	ĐDT
12	Ngữ văn	2	V0033	Kiều Minh	Thư	15	3	2006	Tp. HCM	9A9	Trần Quốc Toàn	12.00	ĐDT
13	Ngữ văn	2	V0034	Nguyễn Anh	Thư	13	5	2006	Tp. HCM	9A1	Trần Quốc Toàn	12.00	ĐDT
14	Ngữ văn	2	V0038	Hồ Xuân	Thy	17	1	2006	Tp. HCM	9A1	Trần Quốc Toàn	12.00	ĐDT
15	Ngữ văn	1	V0004	Trần Quốc Gia	Bảo	2	9	2006	Tp. HCM	9A1	Trần Quốc Toàn	11.50	ĐDT
16	Ngữ văn	1	V0016	Trần Nguyễn Bảo	Ngọc	31	8	2006	Tp. HCM	9/3	Hoa Lư	11.50	ĐDT
17	Ngữ văn	1	V0018	Nguyễn Thạch Bảo	Ngọc	9	1	2006	TPHCM		Phước Bình	11.50	ĐDT
18	Ngữ văn	1	V0001	Nguyễn Lê Trúc	An	12	11	2006	Tp. HCM	9A3	Hoa Lư	11.00	ĐDT
19	Ngữ văn	1	V0007	Nguyễn Đông	Duy	6	1	2006	Tp. HCM	9H	Hoa Lư	11.00	ĐDT
20	Ngữ văn	1	V0020	Nguyễn Việt	Nguyên	27	4	2006	Tp. HCM	9A8	Trần Quốc Toàn	11.00	ĐDT
21	Ngữ văn	1	V0003	Nguyễn Hoàng Quỳnh	Anh	20	12	2006	Tp. HCM	9A1	Trần Quốc Toàn	10.50	
22	Ngữ văn	2	V0024	Dương Thái Thảo	Nhi	4	4	2006	Tp. HCM	9A5	Trường Thạnh	10.50	
23	Ngữ văn	2	V0030	Bùi Phương	Thảo	12	5	2006	Tp. HCM	9/6	Hoa Lư	10.50	
24	Ngữ văn	2	V0043	Nguyễn Ngọc Như	Ý	22	7	2006	Tp. HCM	9A9	Trần Quốc Toàn	10.50	
25	Ngữ văn	1	V0009	Dương Thụy Minh	Hằng	7	12	2006	Tp. HCM	9A3	Hoa Lư	10.00	
26	Ngữ văn	1	V0011	Nguyễn Gia	Huy	18	11	2006	Tp. HCM		Phước Bình	10.00	
27	Ngữ văn	1	V0017	Trần Thị Khánh	Ngọc	3	3	2006	Hà Tĩnh	9A3	Hoa Lư	10.00	
28	Ngữ văn	2	V0029	Hồ Anh Nhật	Thanh	30	6	2006	Tp. HCM	9A3	Đặng Tấn Tài	10.00	
29	Ngữ văn	2	V0036	Phạm Bích	Thuận	15	4	2006	Tp. HCM	9A1	Long Trường	10.00	
30	Ngữ văn	2	V0040	Nguyễn Ngọc Cát	Tường	30	6	2006	Tp. HCM	9/3	Tăng Nhơn Phú B	10.00	
31	Ngữ văn	2	V0041	Trương Thị Thảo	Vy	8	6	2006	Tp. HCM	9/3	Tăng Nhơn Phú B	10.00	
32	Ngữ văn	1	V0002	Ngô Dương Quỳnh	Anh	1	11	2006	Tp. HCM	9A2	Hoa Lư	9.50	

Stt	Môn	Ph	SBD	Họ và lót	Tên	Ngày sinh			Nơi sinh	Lớp	Trường	Điểm	Ghi chú
33	Ngữ văn	1	V0013	Tô Ngọc Khánh	Huyền	20	4	2006	Tp. HCM	9/3	Tăng Nhơn Phú B	9.50	
34	Ngữ văn	2	V0039	Vương Cát	Tường	15	2	2006	Tp. HCM	9A3	Đặng Tấn Tài	9.50	
35	Ngữ văn	1	V0021	Phạm Trần Quỳnh	Nhi	20	10	2006	Tp. HCM	9/5	Hoa Lư	9.00	
36	Ngữ văn	2	V0023	Huỳnh Ngọc	Nhi	6	3	2006	TPHCM		Phước Bình	9.00	
37	Ngữ văn	2	V0027	Đặng Hồng	Nhung	22	6	2006	Tp. HCM	9A1	Trần Quốc Toàn	9.00	
38	Ngữ văn	2	V0035	Trần Ngọc Minh	Thư	14	7	2006	Tp. HCM	9A3	Đặng Tấn Tài	9.00	
39	Ngữ văn	2	V0037	Nguyễn Ngọc Thanh	Thúy	18	7	2006	Tp. HCM	9A3	Long Trường	9.00	
40	Ngữ văn	1	V0005	Mai Anh	Đức	29	1	2006	Tp. HCM	9A1	Hoa Lư	8.50	
41	Ngữ văn	2	V0031	Vũ Thanh	Thảo	21	12	2006	Tp. HCM	9A1	Tăng Nhơn Phú B	8.50	
42	Ngữ văn	2	V0026	Lê Thảo	Như	5	3	2006	Tp. HCM	9A1	Đặng Tấn Tài	8.00	
43	Ngữ văn	2	V0028	Trần Đặng Hà	Phương	25	4	2006	Tp. HCM	9/4	Tăng Nhơn Phú B	7.50	
44	Toán	3	T0021	Nguyễn Trung	Kiên	25	1	2006	Kiên Giang	9A1	Tăng Nhơn Phú B	7.25	ĐDT
45	Toán	4	T0037	Trần Thanh Hưng	Thịnh	2	3	2006	Tp. HCM	9A1	Trần Quốc Toàn	7.25	ĐDT
46	Toán	3	T0001	Phạm Đức	An	1	11	2006	Lâm Đồng	9/3	Hoa Lư	7.00	ĐDT
47	Toán	3	T0018	Lê Anh	Khoa	4	4	2006	Tp. HCM	9/3	Hoa Lư	7.00	ĐDT
48	Toán	4	T0038	Bùi Minh	Thư	4	5	2006	Tp. HCM	9A8	Trần Quốc Toàn	6.75	ĐDT
49	Toán	4	T0025	Nguyễn Đình	Nam	26	4	2006	Tp. HCM		Phước Bình	6.25	ĐDT
50	Toán	4	T0043	Phạm Thụy	Vy	3	5	2006	Tp. HCM	9A9	Trần Quốc Toàn	6.25	ĐDT
51	Toán	4	T0024	Trần Thị Phương	Linh	17	9	2006	Phú Yên	9/3	Tăng Nhơn Phú B	6.00	ĐDT
52	Toán	4	T0026	Hồ Châu Khánh	Ngọc	31	3	2006	Tp. HCM	9A1	Trần Quốc Toàn	6.00	ĐDT
53	Toán	3	T0002	Nguyễn Ngọc Minh	Anh	26	8	2006	Tp. HCM	9A3	Hoa Lư	5.75	ĐDT
54	Toán	3	T0013	Nguyễn	Hoàng	7	4	2006	Tp. HCM	9A1	Trần Quốc Toàn	5.75	ĐDT
55	Toán	3	T0006	Đỗ Phước	Đạt	4	1	2006	Tp. HCM		Phước Bình	5.50	ĐDT
56	Toán	3	T0019	Phạm Trần Đăng	Khoa	7	2	2006	Đồng Nai	9A9	Trần Quốc Toàn	5.50	ĐDT
57	Toán	4	T0034	Đỗ Mạnh	Phước	26	2	2006	Tp. HCM		Phước Bình	5.50	ĐDT
58	Toán	3	T0004	Ngô Thế	Bảo	8	1	2006	Tp. HCM		Phước Bình	5.00	ĐDT
59	Toán	3	T0008	Nguyễn Nguyễn	Dương	16	4	2006	Tp. HCM	9/3	Hoa Lư	5.00	ĐDT
60	Toán	4	T0027	Đỗ Khôi	Nguyên	15	3	2006	Tp. HCM		Phước Bình	5.00	ĐDT
61	Toán	4	T0041	Trần Minh	Trí	8	11	2006	Tp. HCM		Phước Bình	5.00	ĐDT
62	Toán	3	T0022	Lê Gia	Linh	24	2	2006	Tp. HCM		Phước Bình	4.75	ĐDT
63	Toán	4	T0030	Nguyễn Phương	Nhi	12	1	2006	Tp. HCM	9A3	Hoa Lư	4.75	ĐDT
64	Toán	3	T0003	Nguyễn Thị Vân	Anh	10	3	2006	Thanh Hóa	9A1	Tăng Nhơn Phú B	4.50	
65	Toán	3	T0014	Nguyễn Mạnh	Hùng	30	5	2006	Tp. HCM	9A3	Hoa Lư	4.50	
66	Toán	4	T0039	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	25	3	2006	TP. HCM	9/3	Tăng Nhơn Phú B	4.50	
67	Toán	4	T0042	Phạm Trần Đức	Trí	30	10	2006	Tp. HCM	9/3	Tăng Nhơn Phú B	4.50	
68	Toán	3	T0005	Mai Quỳnh	Châu	14	9	2006	Tp. HCM	9A3	Hoa Lư	4.25	
69	Toán	3	T0012	Nguyễn Thái	Hòa	16	4	2006	Tp. HCM		Tân Phú	4.00	
70	Toán	4	T0029	Lê Quang	Nhật	31	5	2006	Tp. HCM		Tân Phú	3.75	
71	Toán	4	T0031	Lê Hồng	Nhung	1	5	2006	Tây Ninh	9A5	Trường Thạnh	3.75	

Stt	Môn	Ph	SBD	Họ và lót	Tên	Ngày sinh			Nơi sinh	Lớp	Trường	Điểm	Ghi chú
72	Toán	4	T0032	Đinh Dương	Phát	11	5	2006	Tp. HCM	9A12	Trần Quốc Toàn	3.75	
73	Toán	3	T0007	Đào Phan Tiến	Đức	21	1	2006	Tp. HCM	9/3	Hoa Lư	3.50	
74	Toán	3	T0017	Nguyễn Đăng	Khoa	29	1	2006	Tp. HCM	9A3	Đặng Tấn Tài	3.50	
75	Toán	3	T0011	Trần Trung	Hiếu	2	11	2006	Hải Phòng		Phước Bình	3.25	
76	Toán	3	T0015	Nguyễn Minh	Huy	2	10	2006	Tp. HCM	9A3	Hoa Lư	3.00	
77	Toán	3	T0020	Võ Anh	Khoa	2	11	2006	Tp. HCM	9A2	Đặng Tấn Tài	3.00	
78	Toán	4	T0033	Võ Hoàng	Phúc	20	1	2006	Tp. HCM	9A2	Đặng Tấn Tài	3.00	
79	Toán	3	T0010	Nguyễn Trương Gia	Hân	27	1	2006	Tp. HCM	9A2	Long Trường	2.75	
80	Toán	4	T0036	Cù Xuân	Thắng	4	12	2006	Tp. HCM	9A1	Hoa Lư	2.75	
81	Toán	3	T0009	Phạm	Duy	8	2	2006	Tp. HCM		Tân Phú	2.50	
82	Toán	4	T0040	Nguyễn Phương Bảo	Trâm	4	3	2006	Tp. HCM	9A2	Đặng Tấn Tài	2.25	
83	Toán	3	T0016	Lê Đức	Huy	15	6	2006	Tp. HCM		Đặng Tấn Tài	1.75	
84	Toán	4	T0028	Trần Hoài	Nhân	19	5	2006	Tp. HCM	9A9	Trần Quốc Toàn	1.75	
85	Toán	4	T0035	Nguyễn Ngọc	Phượng	20	1	2006	Tp. HCM		Phước Bình	1.00	
86	Toán	4	T0023	Hoàng Vân	Linh	25	1	2006	Hà Nội	9A9	Trần Quốc Toàn	0.25	
87	Tiếng Anh	5	A0017	Tiêu Nhựt	Hào	18	2	2006	Tp. HCM		Đặng Tấn Tài	81.00	ĐDT
88	Tiếng Anh	6	A0032	Nguyễn Tuấn	Minh	22	3	2006	Tp. HCM	9/6	Hoa Lư	75.00	ĐDT
89	Tiếng Anh	5	A0022	Trần Quang	Khải	3	5	2006	Tp. HCM	9A8	Trần Quốc Toàn	67.50	ĐDT
90	Tiếng Anh	5	A0009	Lã Hoài	Đan	10	5	2005	Tp. HCM	9A3	Hoa Lư	66.25	ĐDT
91	Tiếng Anh	6	A0031	Trịnh Nguyễn Bảo	Long	24	12	2006	Hà Nội		Phước Bình	64.75	ĐDT
92	Tiếng Anh	6	A0041	Nguyễn Hoàng	Phúc	17	8	2006	Tp. HCM		Phước Bình	64.25	ĐDT
93	Tiếng Anh	5	A0007	Trần Huỳnh Cẩm	Châu	22	7	2006	Tp. HCM	9A1	Trần Quốc Toàn	63.25	ĐDT
94	Tiếng Anh	5	A0020	Trịnh Đỗ Minh	Huy	30	9	2006	Tp. HCM	9A2	Tăng Nhơn Phú B	58.50	ĐDT
95	Tiếng Anh	6	A0039	Đặng Hồng	Nhung	25	11	2006	Tp. HCM	9A1	Trần Quốc Toàn	58.25	ĐDT
96	Tiếng Anh	5	A0025	Nguyễn Tiến Đăng	Khoa	7	11	2006	Tp. HCM	9A9	Trần Quốc Toàn	57.00	ĐDT
97	Tiếng Anh	5	A0023	Ngô Sĩ	Khang	3	9	2006	Bình Định	9A9	Trần Quốc Toàn	54.50	ĐDT
98	Tiếng Anh	6	A0053	Trịnh Đức	Trí	27	2	2006	Tp. HCM		Phước Bình	53.25	ĐDT
99	Tiếng Anh	6	A0033	Lê Trung	Nam	12	12	2006	Tp. HCM	9A1	Trần Quốc Toàn	51.75	ĐDT
100	Tiếng Anh	6	A0056	Nguyễn Cao Khánh	Vân	4	1	2006	Tp. HCM	9A1	Trần Quốc Toàn	51.25	ĐDT
101	Tiếng Anh	5	A0014	Chu Tiến	Dũng	23	6	2006	Tp. HCM	9A3	Hoa Lư	50.50	ĐDT
102	Tiếng Anh	6	A0040	Lê Hoàng Tiến	Phúc	29	10	2006	Tp. HCM	9/3	Hoa Lư	50.50	ĐDT
103	Tiếng Anh	5	A0005	Phạm Ngọc	Bảo	1	6	2006	Đắk Lắk	9A1	Tăng Nhơn Phú B	49.25	ĐDT
104	Tiếng Anh	6	A0030	Nguyễn Hoàng Mỹ	Linh	2	12	2006	Tp. HCM		Phước Bình	49.25	ĐDT
105	Tiếng Anh	5	A0028	Dương Đức Duy	Lâm	28	2	2006	Tp. HCM	9A3	Hoa Lư	49.00	ĐDT
106	Tiếng Anh	6	A0044	Trần Tấn	Sang	22	8	2006	Tp. HCM	9A3	Hoa Lư	47.00	ĐDT
107	Tiếng Anh	5	A0006	Nguyễn Ngọc Thanh	Bình	31	7	2006	Tp. HCM	9T1	Hoa Lư	46.00	
108	Tiếng Anh	5	A0011	Đoàn Công Minh	Đạt	5	7	2006	Tp. HCM	9A8	Trần Quốc Toàn	46.00	
109	Tiếng Anh	5	A0019	Nguyễn Quang	Huy	8	8	2006	Nghệ An	9A3	Hoa Lư	45.75	
110	Tiếng Anh	5	A0002	Phạm Kiều	Anh	4	12	2006	Hà Nội	9A3	Hoa Lư	45.00	

Stt	Môn	Ph	SBD	Họ và lót	Tên	Ngày sinh			Nơi sinh	Lớp	Trường	Điểm	Ghi chú
111	Tiếng Anh	6	A0057	Nguyễn Hoàng	Vy	31	5	2006	Tp. HCM	9A9	Trần Quốc Toàn	44.50	
112	Tiếng Anh	6	A0047	Phạm Thị Xuân	Thư	22	2	2006	Tp. HCM	9A3	Hoa Lư	43.25	
113	Tiếng Anh	6	A0054	Lê Anh	Tuấn	3	8	2006	TP. HCM	9A1	Trần Quốc Toàn	43.25	
114	Tiếng Anh	5	A0016	Nguyễn Xuân Gia	Hân	14	3	2006	Lâm Đồng	9A2	Tăng Nhơn Phú B	42.75	
115	Tiếng Anh	6	A0049	Tô Minh	Thư	15	5	2006	TP. HCM	9A2	Tăng Nhơn Phú B	42.25	
116	Tiếng Anh	6	A0037	Hoàng Vương Bảo	Nghi	7	7	2006	Tp. HCM	9A1	Hoa Lư	42.00	
117	Tiếng Anh	6	A0055	Dương Xuân	Tùng	26	4	2006	Bến Tre	9A5	Trường Thạnh	42.00	
118	Tiếng Anh	6	A0034	Trần Lữ Phương	Nam	26	5	2006	TP. HCM	9A1	Trần Quốc Toàn	41.50	
119	Tiếng Anh	5	A0024	Trần Đăng	Khoa	10	7	2006	Tp. HCM	9/1	Hoa Lư	41.25	
120	Tiếng Anh	5	A0029	Vũ Lê Hải	Lan	2	8	2006	Tp. HCM	9/3	Hoa Lư	40.75	
121	Tiếng Anh	5	A0001	Chữ Quốc	An	18	11	2006	Tp. HCM		Phước Bình	39.25	
122	Tiếng Anh	6	A0035	Hồ Ngọc Kim	Ngân	10	10	2006	TP. HCM	9A5	Tân Phú	39.00	
123	Tiếng Anh	6	A0050	Lê Thanh	Trâm	29	4	2006	Tp. HCM		Phước Bình	39.00	
124	Tiếng Anh	5	A0013	Nguyễn Xuân	Đức	8	4	2006	Tp. HCM		Phước Bình	37.50	
125	Tiếng Anh	6	A0038	Trần Bảo	Nghi	14	7	2006	Tp. HCM	9A1	Trần Quốc Toàn	37.50	
126	Tiếng Anh	5	A0012	Lê Thành	Đạt	13	8	2006	Tp. HCM	9A1	Trần Quốc Toàn	37.00	
127	Tiếng Anh	6	A0051	Huỳnh Bảo	Trân	4	7	2006	Tp. HCM	9A9	Trần Quốc Toàn	37.00	
128	Tiếng Anh	5	A0021	Nguyễn Ngọc Nhật	Huy	14	3	2006	TP. HCM	9A1	Tăng Nhơn Phú B	36.50	
129	Tiếng Anh	5	A0004	Trần Nguyễn Gia	Bảo	8	9	2006	Tp. HCM	9A3	Hoa Lư	36.25	
130	Tiếng Anh	6	A0045	Đào Minh	Tâm	3	2	2006	Hải Phòng		Phước Bình	35.50	
131	Tiếng Anh	6	A0048	Bùi Anh	Thư	7	11	2006	Hải Dương	9A5	Tân Phú	34.75	
132	Tiếng Anh	5	A0018	Đặng Vương Diệu	Hương	3	10	2006	TP. HCM	9A1	Trần Quốc Toàn	34.00	
133	Tiếng Anh	5	A0026	Ngô Trọng	Khôi	14	3	2006	Tp. HCM	9A3	Hoa Lư	32.25	
134	Tiếng Anh	5	A0027	Lê Thiên	Kim	21	5	2006	Tp. HCM	9/3	Hoa Lư	31.25	
135	Tiếng Anh	6	A0046	Nguyễn Bá	Thông	7	9	2006	Tp. HCM	9/1	Hoa Lư	30.75	
136	Tiếng Anh	6	A0042	Lê Minh	Phúc	13	3	2006	TP. HCM	9A2	Phú Hữu	30.00	
137	Tiếng Anh	5	A0015	Lê Ngọc Bảo	Hân	3	8	2006	TP. HCM	9A8	Trần Quốc Toàn	28.00	
138	Tiếng Anh	5	A0010	Lưu Minh	Đăng	10	12	2006	TP. HCM	9A1	Trần Quốc Toàn	27.75	
139	Tiếng Anh	6	A0036	Trần Kim	Ngân	1	11	2006	Vĩnh Long	9A1	Tăng Nhơn Phú B	27.75	
140	Tiếng Anh	6	A0052	Nguyễn Ngọc	Trân	13	8	2006	Lạng Sơn	9A9	Trần Quốc Toàn	26.50	
141	Tiếng Anh	5	A0003	Tôn Nữ Mỹ	Anh	27	5	2006	Tp. HCM		Phước Bình	25.25	
142	Tiếng Anh	6	A0043	Nguyễn Văn	Quyền	26	11	2006	Tp. HCM		Phước Bình	24.50	
143	Tiếng Anh	5	A0008	Nguyễn Xuân	Cường	19	10	2006	Tp. HCM	9H	Hoa Lư	24.25	
144	Vật lý	7	L0009	Nguyễn Duy	Anh	8	5	2006	Tp. HCM	9A1	Trần Quốc Toàn	9.50	ĐDT
145	Vật lý	7	L0013	Trần Ngọc Thùy	Dương	25	7	2006	Hà Nội	9A8	Trần Quốc Toàn	9.50	ĐDT
146	Vật lý	7	L0017	Cao Minh	Hoàng	12	6	2006	Lâm Đồng	9A3	Hoa Lư	9.50	ĐDT
147	Vật lý	8	L0030	Ngô Khánh	Ly	12	8	2006	Tp. HCM	9A1	Trần Quốc Toàn	8.00	ĐDT
148	Vật lý	8	L0047	Đỗ Minh	Trí	27	8	2006	Tp. HCM	9A1	Trần Quốc Toàn	8.00	ĐDT
149	Vật lý	7	L0014	Nguyễn	Dương	8	3	2006	Tp. HCM	9A1	Trần Quốc Toàn	7.75	ĐDT

Stt	Môn	Ph	SBD	Họ và lót	Tên	Ngày sinh			Nơi sinh	Lớp	Trường	Điểm	Ghi chú
150	Vật lý	8	L0045	Lý Hoài	Trân	28	4	2006	An Giang	9A1	Tân Phú	7.75	ĐDT
151	Vật lý	7	L0020	Đỗ Tuấn	Khang	5	6	2006	Tp. HCM	9A9	Trần Quốc Toàn	7.50	ĐDT
152	Vật lý	7	L0019	Nguyễn Bá Hoàng	Huy	4	4	2006	Nghệ An	9A12	Trần Quốc Toàn	7.25	ĐDT
153	Vật lý	7	L0005	Nguyễn Đăng Minh	Anh	9	1	2006	Tp. HCM	9/3	Hoa Lư	6.75	ĐDT
154	Vật lý	7	L0011	Trần Văn	Đức	2	6	2006	Tp. HCM	9A1	Trần Quốc Toàn	6.75	ĐDT
155	Vật lý	7	L0001	Đỗ Quan Thái	An	17	1	2006	Tp. HCM	9/3	Hoa Lư	6.25	ĐDT
156	Vật lý	7	L0008	Lê Thị Trâm	Anh	17	9	2006	TP.HCM	9A2	Tăng Nhơn Phú B	6.25	ĐDT
157	Vật lý	8	L0034	Trần Thụy Phương	My	18	3	2006	Tp. HCM	9A3	Hoa Lư	6.25	ĐDT
158	Vật lý	8	L0038	Nguyễn Hoàng	Phú	9	8	2006	Tp. HCM		Phước Bình	6.25	ĐDT
159	Vật lý	7	L0004	Cao Tấn Trọng	Anh	7	10	2006	Tp. HCM	9/3	Hoa Lư	6.00	ĐDT
160	Vật lý	7	L0007	Nguyễn Đỗ Ngọc	Anh	25	12	2006	Tp. HCM	9A1	Tân Phú	6.00	ĐDT
161	Vật lý	8	L0036	Nguyễn Phương	Nguyên	31	7	2006	Tp. HCM	9A1	Trần Quốc Toàn	5.75	ĐDT
162	Vật lý	8	L0043	Nguyễn Anh	Thư	25	10	2006	Tp. HCM	9A8	Trần Quốc Toàn	5.75	ĐDT
163	Vật lý	8	L0031	Mai Huy	Mạnh	15	12	2006	Tp. HCM	9A1	Tân Phú	5.50	ĐDT
164	Vật lý	7	L0003	Phạm Văn	Anh	26	3	2006	Tp. HCM	9H	Hoa Lư	5.25	
165	Vật lý	8	L0042	Nguyễn Minh	Thư	24	10	2006	Tp. HCM	9/3	Hoa Lư	5.25	
166	Vật lý	7	L0023	Thái Đăng	Khoa	13	1	2006	Bình Dương	9A5	Long Trường	4.75	
167	Vật lý	8	L0040	Trần Minh Tấn	Thành	27	6	2006	Tp. HCM	9A1	Trần Quốc Toàn	4.75	
168	Vật lý	8	L0046	Nguyễn Thùy	Trang	23	1	2006	Thái Bình	9A1	Tân Phú	4.75	
169	Vật lý	7	L0018	Hà Gia	Huy	29	5	2006	CHLB Đức	9/3	Hoa Lư	4.25	
170	Vật lý	7	L0021	Đinh Hà Duy	Khanh	26	8	2006	Tp. HCM	9A3	Hoa Lư	4.25	
171	Vật lý	8	L0050	Trương Thị Hoàng	Yến	22	7	2006	Tp. HCM	9A3	Hoa Lư	4.25	
172	Vật lý	7	L0016	Bùi Ngọc	Hoa	31	1	2006	Tp. HCM	9/3	Hoa Lư	4.00	
173	Vật lý	7	L0006	Trần Quốc	Anh	7	5	2006	Tp. HCM	9A1	Tân Phú	3.75	
174	Vật lý	7	L0012	Trương Tấn	Dũng	1	2	2006	Tp. HCM	9/1	Hoa Lư	3.50	
175	Vật lý	8	L0037	Nguyễn Minh	Nguyên	3	9	2006	Tp. HCM	9A12	Trần Quốc Toàn	3.50	
176	Vật lý	8	L0033	Dương Anh	Minh	7	3	2006	Tp. HCM	9A12	Trần Quốc Toàn	3.25	
177	Vật lý	8	L0048	Trương Minh	Trí	2	1	2006	Tp. HCM		Phước Bình	2.50	
178	Vật lý	7	L0022	Lê Ngọc	Khoa	2	5	2006	Tp. HCM	9A1	Long Trường	2.25	
179	Vật lý	7	L0010	Phạm Nhung Quỳnh	Anh	2	9	2006	Tp. HCM		Phước Bình	1.75	
180	Vật lý	7	L0024	Lê Võ Hoàng	Khởi	27	6	2006	Tp.HCM	9A5	Trường Thạnh	1.75	
181	Vật lý	8	L0027	Nguyễn Thị Diệu	Linh	29	6	2006	TP.HCM	9/3	Tăng Nhơn Phú B	1.75	
182	Vật lý	8	L0032	Trần Cẩm	Mi	12	4	2006	Tp. HCM		Đặng Tấn Tài	1.75	
183	Vật lý	8	L0044	Trần Thảo	Trâm	8	6	2006	Tp.HCM	9A5	Trường Thạnh	1.75	
184	Vật lý	8	L0035	Bùi Thị Bảo	Ngọc	21	8	2006	Tp. HCM	9A1	Trần Quốc Toàn	1.00	
185	Vật lý	7	L0002	Lê Thanh	An	29	7	2006	Tp. HCM		Phước Bình	0.75	
186	Vật lý	7	L0015	Huỳnh Trung	Hậu	1	2	2006	Tp. HCM		Phước Bình	0.75	
187	Vật lý	7	L0025	Lê Minh	Kiệt	29	9	2006	Tp. HCM	9/5	Hoa Lư	0.75	
188	Vật lý	8	L0028	Nguyễn Thành	Lộc	7	7	2006	Tp.HCM	9A5	Trường Thạnh	0.50	

Stt	Môn	Ph	SBD	Họ và lót	Tên	Ngày sinh			Nơi sinh	Lớp	Trường	Điểm	Ghi chú
189	Vật lý	8	L0039	Lê Đức Anh	Quân	17	2	2006	Đồng Nai		Đặng Tấn Tài	0.50	
190	Vật lý	8	L0041	Nguyễn	Thành	12	9	2006	Tp. HCM		Phước Bình	0.50	
191	Vật lý	8	L0049	Nguyễn Sơn	Trường	19	2	2006	Tp. HCM	9A1	Long Phước	0.50	
192	Vật lý	8	L0026	Nguyễn Mai	Linh	11	3	2006	Tp. HCM	9H	Hoa Lư	0.25	
193	Vật lý	8	L0029	Phan Bùi Thành	Lộc	22	5	2006	TP HCM	9A2	Phú Hữu	0.25	
194	Hóa học	10	H0024	Nguyễn Anh Gia	Phúc	21	8	2006	Tp. HCM	9A3	Hoa Lư	19.50	ĐDT
195	Hóa học	10	H0038	Phạm Thục Nhã	Uyên	16	11	2006	Tp. HCM	9A3	Hoa Lư	17.25	ĐDT
196	Hóa học	10	H0025	Hồ Mai	Phương	11	8	2006	Tp. HCM	9A3	Hoa Lư	16.25	ĐDT
197	Hóa học	10	H0021	Nguyễn Thiện	Nhân	17	10	2006	Tp. HCM	9/3	Hoa Lư	16.00	ĐDT
198	Hóa học	9	H0001	Đặng Thái	Bình	26	11	2006	Tp. HCM	9A3	Hoa Lư	14.25	ĐDT
199	Hóa học	9	H0006	Lê Trung	Dũng	18	3	2006	Tp. HCM	9/3	Hoa Lư	12.00	ĐDT
200	Hóa học	10	H0026	Nguyễn Huỳnh	Sang	28	2	2006	Tp. HCM	9A3	Hoa Lư	12.00	ĐDT
201	Hóa học	9	H0012	Nguyễn Thanh	Hùng	2	7	2006	Tp. HCM	9/3	Hoa Lư	10.50	ĐDT
202	Hóa học	9	H0011	Trương Xuân	Hoàng	23	8	2006	Tp. HCM	9A3	Hoa Lư	10.00	ĐDT
203	Hóa học	9	H0004	Trần Khánh	Đăng	20	10	2006	Tp. HCM	9A1	Hưng Bình	9.00	ĐDT
204	Hóa học	9	H0008	Vũ Minh	Hải	6	2	2006	Tp. HCM	9A8	Trần Quốc Toàn	9.00	ĐDT
205	Hóa học	10	H0035	Văn Ngọc Thùy	Trang	28	12	2006	Tp. HCM	9A1	Trần Quốc Toàn	8.00	ĐDT
206	Hóa học	10	H0023	Nguyễn Văn	Phát	3	2	2006	Tp. HCM	9A5	Trường Thạnh	7.75	ĐDT
207	Hóa học	10	H0033	Nguyễn Hồng	Trần	7	12	2006	Tp. HCM		Trần Quốc Toàn	7.75	ĐDT
208	Hóa học	10	H0030	Trần Hoàng Anh	Thư	22	3	2006	Tp. HCM		Phước Bình	7.50	ĐDT
209	Hóa học	10	H0036	Trần Võ Nhật	Trung	14	2	2006	Tp. HCM	9H	Hoa Lư	6.50	ĐDT
210	Hóa học	9	H0007	Nguyễn Hữu	Hà	25	8	2006	Tp. HCM	9A1	Trần Quốc Toàn	6.25	ĐDT
211	Hóa học	10	H0029	Đặng Thông	Thịnh	3	10	2006	Quảng Nam	9A1	Tăng Nhơn Phú B	6.25	ĐDT
212	Hóa học	9	H0015	Nguyễn Huỳnh	Lâm	2	8	2006	Tp. HCM	9A1	Trần Quốc Toàn	5.75	ĐDT
213	Hóa học	10	H0027	Phan Thanh	Sang	9	12	2006	Tp. HCM	9A5	Trường Thạnh	5.00	ĐDT
214	Hóa học	10	H0028	Tô Minh	Tâm	15	5	2006	Tp. HCM	9A2	Tăng Nhơn Phú B	4.25	
215	Hóa học	9	H0005	Nguyễn Minh	Đức	12	8	2006	Tp. HCM	9A2	Long Trường	4.00	
216	Hóa học	9	H0009	Phạm Gia	Hân	16	10	2006	Tp. HCM		Phước Bình	3.75	
217	Hóa học	9	H0018	Nguyễn Thị Hiền	Lương	10	12	2006	Tp. HCM	9/3	Hoa Lư	3.75	
218	Hóa học	10	H0037	Ngô Trương Ánh	Tuyết	20	3	2006	Đồng Tháp	9A1	Long Phước	3.75	
219	Hóa học	9	H0003	Phạm Đình Minh	Châu	30	3	2006	Bến Tre		Phước Bình	3.50	
220	Hóa học	9	H0013	Nguyễn Hoàng Gia	Khanh	17	3	2006	Tp. HCM	9A1	Trần Quốc Toàn	2.50	
221	Hóa học	9	H0017	Đặng Đức	Lộc	19	8	2006	Thanh Hóa	9A2	Long Trường	2.50	
222	Hóa học	10	H0031	Thái Thị Hồng	Thư	7	8	2006	Bạc Liêu	9A4	Hưng Bình	2.50	
223	Hóa học	9	H0010	Nguyễn Trần Bảo	Hạnh	20	9	2006	Tp. HCM		Phước Bình	2.00	
224	Hóa học	9	H0016	Nguyễn Khánh	Linh	3	11	2006	Tp. HCM	9H	Hoa Lư	2.00	
225	Hóa học	10	H0039	Nguyễn Huỳnh Phương	Uyên	17	5	2006	Tp. HCM	9A1	Trần Quốc Toàn	2.00	
226	Hóa học	10	H0022	Phạm Thảo	Nhi	16	4	2006	Thái Bình	9A3	Đặng Tấn Tài	1.50	
227	Hóa học	10	H0032	Nguyễn Ngọc Thùy	Tiên	28	10	2006	Tp. HCM	9A2	Đặng Tấn Tài	1.50	

Stt	Môn	Ph	SBD	Họ và lót	Tên	Ngày sinh			Nơi sinh	Lớp	Trường	Điểm	Ghi chú
228	Hóa học	9	H0020	Nguyễn Ngọc Gia	Nguyễn	24	9	2006	Tp. HCM	9A1	Đặng Tấn Tài	1.00	
229	Hóa học	9	H0002	Nguyễn Thanh	Bình	22	8	2005	Bình Định	9A1	Phú Hữu	0.75	
230	Hóa học	9	H0014	Lê Trần Duy	Khánh	1	1	2006	Tp. HCM	9A2	Đặng Tấn Tài	0.50	
231	Hóa học	9	H0019	Nguyễn Thảo	Nghi	4	1	2006	Tp. HCM	9A1	Trần Quốc Toàn	0.25	
232	Hóa học	10	H0034	Nguyễn Hồng	Trân	7	12	2006	Tp. HCM	9A1	Trần Quốc Toàn	V	

Tổng danh sách có 232 học sinh.

Quận 9, ngày 09 tháng 11 năm 2020

Người nhập điểm: Vũ Đức Đoàn

Người đọc điểm: Đặng Thị Thanh Huyền

Người kiểm tra: Nguyễn Văn Hoàng

TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Thị Thu Hiền

